

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

1. **Phạm Tuấn Anh và Nguyễn Thu Hà** - Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam. **Mã số 121.1GEMg.11** 2
Determinants of Rural Households Income Diversification in Vietnam
2. **Ngô Thị Mỹ và Phạm Minh Đạt** - Nghiên cứu hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Philippines từ góc nhìn của các yếu tố ảnh hưởng. **Mã số 121.1IIEEM.11** 14
A Study on Goods Exports of Philippines: A View from Determinants

QUẢN TRỊ KINH DOANH

3. **Nguyễn Hữu Cường và Võ Hoàng Tùng** - Công bố thông tin về quản lý rủi ro của các công ty thuộc ngành tài chính niêm yết ở Việt Nam. **Mã số 121.2FiBa.21** 24
Disclosure of Information on Risk Management in Financial Listed Companies in Vietnam
4. **Triệu Đình Phương và Phan Chí Anh** - Quan hệ giữa quản trị chất lượng nhà cung cấp và kết quả hoạt động tại một số doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện - điện tử Việt Nam. **Mã số 121.2BAAdm.21** 33
Relations between Supplier Quality Management and Business Performance at Electric – Electronic Equipment Producers in Viet Nam
5. **Phan Thanh Hoàn** - Tiềm năng xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong bối cảnh Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). **Mã số 121.2IBMg.21** 44
Potentials for Viet Nam Seafood Exports in the Context of Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP)

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

6. **Hsin-Kuang Chi and Yan-Ting Lai and Ching-Feng Chang** - An Empirical Study of Top Management Characteristics and Entrepreneurship on Firms Competence and Performance 56
Nghiên cứu thực nghiệm về đặc điểm của quản trị cấp cao và tinh thần doanh nhân đối với năng lực và hiệu quả của doanh nghiệp. Mã số 121.3HRMg.31

NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA PHILIPPINES TỪ GÓC NHÌN CỦA CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

Ngô Thị Mỹ

Trường ĐH Kinh tế và QTKD Thái Nguyên

Email: ngomy2008@gmail.com

Phạm Minh Đạt

Đại học Thương mại

Email: minhdat@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 27/08/2018

Ngày nhận lại: 12/09/2018

Ngày duyệt đăng: 18/09/2018

*B*ài viết sử dụng bộ số liệu mảng trong giai đoạn 2000 - 2017 nhằm phân tích thực trạng và làm rõ một số yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines bằng mô hình trọng lực hấp dẫn. Kết quả cho thấy các yếu tố bao gồm GDP của Philippines và quốc gia đối tác, dân số của quốc gia đối tác, độ mở nền kinh tế của Philippines và quốc gia đối tác, FDI vào Philippines, khoảng cách địa lý giữa Philippines và quốc gia đối tác, tỷ lệ lạm phát của Philippines, việc Philippines và quốc gia đối tác cùng là thành viên của APEC hay cùng sử dụng ngôn ngữ chung đều có ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines.

Từ khóa: Xuất khẩu, hàng hóa, yếu tố ảnh hưởng, mô hình trọng lực, Philippines.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hoạt động ngoại thương nói chung và xuất khẩu hàng hóa của các quốc gia nói riêng ngày càng được mở rộng theo chiều hướng phát triển. Những năm qua, cùng với những cải cách mạnh mẽ từ phía Chính phủ kết hợp với các chính sách phát triển phù hợp đã đưa nền kinh tế Philippines gặt hái nhiều thành công đáng khích lệ. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2000-2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của Philippines đạt 8,26%/năm¹. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế thì hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Philippines đã và đang gặt hái được nhiều thành công trên thị trường khu vực cũng như thị trường Thế giới. Các sản phẩm như hàng điện tử,

hàng chế biến hay một số nông sản của Philippines đã tìm được chỗ đứng không chỉ tại thị trường ASEAN mà còn vươn mạnh ra các thị trường khác như thị trường Châu Á, thị trường Châu Âu... Tuy nhiên, theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế trong khu vực ASEAN thì xuất khẩu hàng hóa của Philippines vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của đất nước. Chính vì vậy, việc tìm ra và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines trở nên cần thiết và phù hợp với thực tế hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khung phân tích

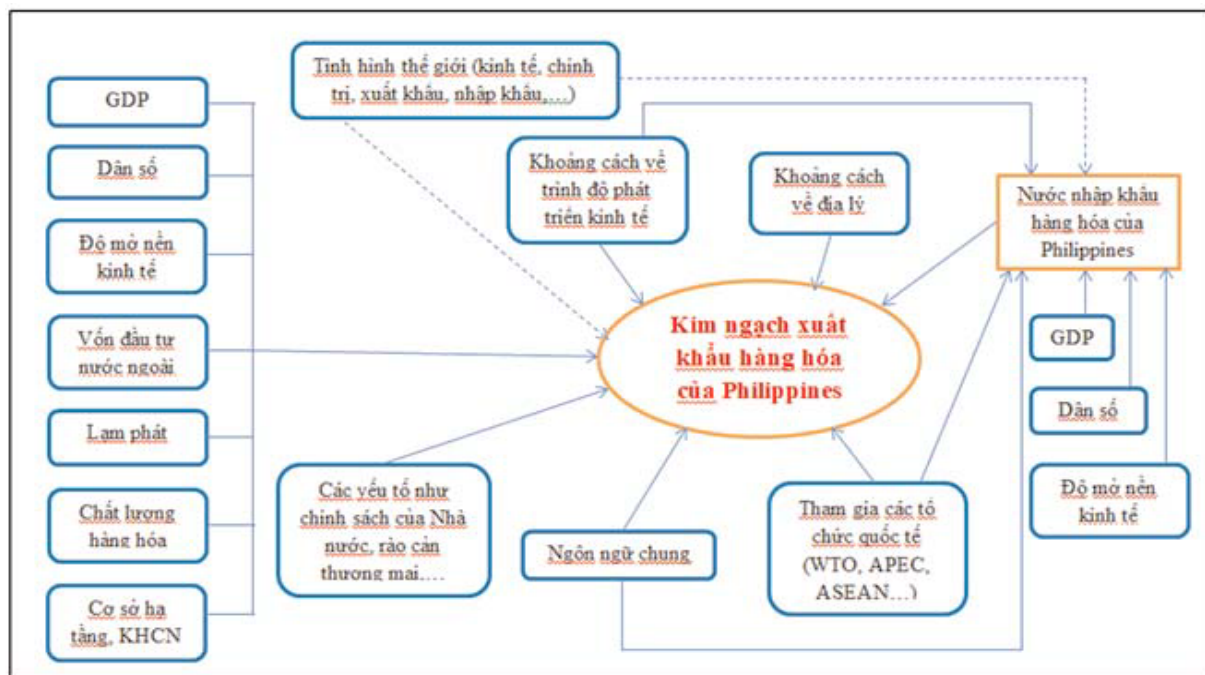
Xuất khẩu và nhập khẩu là hai hoạt động không thể tách rời nhau để hình thành lên luồng

1. Tính toán của tác giả từ số liệu Worldbank, 2018

thương mại quốc tế nói chung. Vì thế, khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của một quốc gia sẽ không đơn thuần chỉ nằm bên trong quốc gia đó mà còn liên quan trực tiếp đến quốc gia nhập khẩu. Trên cơ sở nghiên cứu của Đào Ngọc Tiến (2008) và một số tác giả như Aitken (1973), Thai Tri Do (2006), Yang and Zarzoso (2014),... kết hợp với điều kiện thực tế trong những năm qua của Philippines, tác giả đi đến xây dựng khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines như sau:

chưa đủ và chưa phù hợp với thực tiễn nghiên cứu hiện nay. Và phương pháp mô hình hóa có thể xem như giải pháp tốt trong việc đánh giá được nhiều yếu tố khác nhau cả định lượng và định tính cùng ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines. Đây là lý do tác giả sử dụng mô hình trọng lực để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines trong giai đoạn 2000-2016.

Mô hình trọng lực được phát triển bởi Tinbergen (1962) và Linnemann (1966) dựa trên định luật



—————> : Tác động trực tiếp
 - - - - -> : Tác động gián tiếp

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Hình 1: Khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines

2.2. Mô hình phân tích

Xuất phát từ khung phân tích (Hình 01) cho thấy có nhiều yếu tố khác nhau cùng ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Philippines. Vì thế nếu chỉ phân tích định tính hoặc chỉ sử dụng những phương pháp phân tích định lượng truyền thống như thống kê mô tả hay so sánh,... để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng là

trọng lực hấp dẫn. Cho đến nay, mô hình này được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực thương mại quốc tế với nhiều nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả như Anderson (1979), Bergstrand (1985), Rahman (2007), Eita (2008), Onaran and Stockhammer (2008),... Kế thừa các nghiên cứu trước đây, kết hợp với khung phân tích (Hình 01) thì mô hình trọng lực nhằm đánh giá ảnh hưởng

của các yếu tố đến xuất khẩu hàng hóa của Philippines được phát triển như sau:

$$\ln EXPORT_{ijt} = \beta_0 + \beta_1 \ln GDP_{it} + \beta_2 \ln GDP_{jt} + \beta_3 \ln POP_{it} + \beta_4 \ln POP_{jt} + \beta_5 \ln OPEN_{it} + \beta_6 \ln OPEN_{jt} + \beta_7 \ln CAP_{it} + \beta_8 \ln DIS_{ij} + \beta_9 \ln EDIS_{ijt} + \beta_{10} \ln INF_{it} + \beta_{11} APEC_{ijt} + \beta_{12} LANG_{ij} + u_{ijt}$$

Trong đó:

$EXPORT_{ijt}$: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines tới nước j trong năm t

GDP_{it} , POP_{it} , $OPEN_{it}$: Lần lượt là GDP, dân số và độ mở nền kinh tế của Philippines tại năm t

GDP_{jt} , POP_{jt} , $OPEN_{jt}$: Lần lượt là GDP, dân số và độ mở nền kinh tế của nước j tại năm t

CAP_{it} : Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Philippines vào năm t

INF_{it} : Tỷ lệ lạm phát của Philippines tại năm t

DIS_{ij} : Khoảng cách địa lý giữa Philippines và nước j

nhận giá trị 1 nếu Philippines và nước nhập khẩu hàng hóa của Philippines đều là thành viên của APEC vào năm t

$LANG_{ij}$: Là biến giả. Nhận giá trị 0 nếu Philippines và nước nhập khẩu hàng hóa của Philippines không cùng sử dụng ngôn ngữ chung là tiếng anh; nhận giá trị 1 nếu Philippines và nước nhập khẩu hàng hóa của Philippines cùng sử dụng ngôn ngữ chung là tiếng anh

β_i : là các hệ số thể hiện mức độ tác động của yếu tố i trong mô hình

u_{ijt} : Sai số ngẫu nhiên

Bằng mô hình này có thể phân tích được ảnh hưởng của 12 yếu tố đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines trong giai đoạn 2000-2016. Nguồn số liệu được sử dụng sẽ là số liệu hỗn hợp về 155 quốc gia, cụ thể như sau:

Bảng 1: Nguồn số liệu của các biến được sử dụng trong mô hình trọng lực

Tên biến	Nguồn số liệu sử dụng
EXPORT (Kim ngạch xuất khẩu)	World Bank (2018a)
GDP (Tổng sản phẩm quốc nội)	World Bank (2018b)
POP (Dân số)	World Bank (2018b)
CAP (Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài)	Asian Development Bank
INF (Lạm phát)	www.imf.org
DIS (Khoảng cách về địa lý)	www.freemaptools.com
EDIS (Khoảng cách về kinh tế)	World Bank (2018b)
OPEN (Độ mở của nền kinh tế)	Tính toán từ số liệu của World Bank (2018b)
APEC (Biến giả APEC)	www.apec.org
LANG (Ngôn ngữ chung)	https://cacnuoc.vn/ngon-ngu-cua-cac-nuoc-tren-the-gioi/

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

$EDIS_{ijt}$: Khoảng cách về kinh tế giữa Philippines và nước j vào năm t (được đo bằng chênh lệch về GDP bình quân đầu người giữa 2 quốc gia - lấy giá trị tuyệt đối)

$APEC_{ijt}$: Là biến giả. Nhận giá trị 0 nếu Philippines và nước nhập khẩu hàng hóa của Philippines không là thành viên của APEC năm t;

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát về tình hình xuất khẩu hàng hóa của Philippines

Về kim ngạch xuất khẩu

Những năm qua, Chính phủ Philippines đã dành nhiều sự quan tâm cho các chính sách thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa

trong nước. Cam kết của Chính phủ Philippines về tự do hóa thương mại nội khối luôn có sự nhất quán với chiến lược thúc đẩy xuất khẩu để đạt được tăng trưởng kinh tế². Những kết quả này được thể hiện tại bảng 2, cụ thể như sau:

vực Đông Nam Á giai đoạn 1998-2000 không chỉ làm cho kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm mà còn làm cho GDP của Philippines giảm mạnh vào năm 2001. Giai đoạn 2002-2007, cùng với sự phục hồi và phát triển của nền kinh tế nói chung

Bảng 2: *Biến động về kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines*

Năm	GDP (Tỷ USD)	Xuất khẩu		Tỷ trọng XK/GDP (%)
		Giá trị (Tỷ USD)	Tốc độ tăng trưởng (%)	
2000	81,03	38,08	-	46,99
2001	76,26	32,15	-15,57	42,16
2002	81,36	35,21	9,51	43,28
2003	83,91	36,23	2,91	43,18
2004	91,37	39,68	9,52	43,43
2005	103,07	41,25	3,97	40,03
2006	122,21	47,41	14,92	38,79
2007	149,36	50,47	6,45	33,79
2008	174,20	49,08	-2,75	28,17
2009	168,33	38,44	-21,68	22,83
2010	199,59	51,50	33,98	25,80
2011	224,14	48,04	-6,71	21,43
2012	250,09	52,00	8,23	20,79
2013	271,84	56,70	9,04	20,86
2014	284,58	61,81	9,02	21,72
2015	292,77	58,65	-5,12	20,03
2016	304,91	56,31	-3,98	18,47
2017	312,42	63,23	12,29	20,24
BQ	181,75	47,57	3,03	-

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Worldbank, 2018

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines có sự biến động khá phức tạp song vẫn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân là 3,03%/năm trong giai đoạn 2000-2017. Từ kết quả tại bảng 02 cho thấy, do tàn dư từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ diễn ra trong khu

thì hoạt động xuất khẩu cũng đã gặt hái được những thành tựu đáng ghi nhận. Năm 2007, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines đạt 50,47 tỷ USD tăng 43,3% so với năm 2002. Tuy nhiên mức độ đóng góp vào GDP của xuất khẩu lại có sự giảm mạnh, chiếm tỷ trọng 33,79%. Giai

9. <https://tradingeconomics.com/philippines/gdp-growth-annual>

QUẢN TRỊ KINH DOANH

đoạn 2008-2009, lại một lần nữa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm mạnh (giảm 21,68% vào năm 2009) do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu làm cho mức độ đóng góp vào GDP cũng giảm theo (tỷ trọng xuất khẩu trong GDP là 22,83%). Giai đoạn 2010-2017, GDP luôn có sự tăng trưởng song kim ngạch xuất khẩu lại có sự biến động tăng giảm xuất phát từ các nguyên nhân như nhu cầu của thị trường thế giới giảm hoặc sức cung trong nước giảm. Song, một vấn đề có thể nhận thấy rõ đó là tỷ trọng của xuất khẩu trong GDP của Philippines đã có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2000-2016 và bắt đầu tăng trở lại vào năm 2017.

Về thị phần xuất khẩu

Để phân tích biến động về thị phần hàng hóa xuất khẩu của Philippines với Thế giới, bài viết sử dụng cách phân loại hàng hóa của SITC (phiên

bản 3). Như vậy, toàn bộ hàng hóa sẽ được chia thành 10 nhóm, như sau:

SITC 0: Lương thực, thực phẩm và động vật sống.

SITC 1: Đồ uống và thuốc lá.

SITC 2: Nguyên vật liệu dạng thô, không dùng để ăn, trừ nhiên liệu.

SITC 3: Nhiên liệu, dầu mỡ nhờn và nguyên vật liệu liên quan.

SITC 4: Dầu, mỡ, sáp động, thực vật.

SITC 5: Hóa chất và sản phẩm liên quan.

SITC 6: Hàng chế biến chủ yếu phân loại theo nguyên vật liệu.

SITC 7: Máy móc, phương tiện vận tải, phụ tùng.

SITC 8: Hàng chế biến khác.

SITC 9: Nhóm hàng không thuộc các nhóm trên

Bảng 03 sẽ cho thấy sự biến động về thị phần xuất khẩu của từng nhóm hàng hóa trong giai đoạn 2000-2017.

Bảng 3: Thị phần xuất khẩu các nhóm hàng của Philippines giai đoạn 2000-2017

Năm	SITC									
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2000	0,40	0,09	0,27	0,08	2,50	0,06	0,17	1,16	0,62	0,06
2001	0,38	0,10	0,23	0,05	2,33	0,06	0,16	1,02	0,60	0,03
2002	0,39	0,10	0,22	0,07	1,56	0,06	0,14	1,10	0,57	0,03
2003	0,37	0,17	0,21	0,08	1,75	0,05	0,13	0,97	0,49	0,04
2004	0,33	0,22	0,21	0,05	1,66	0,05	0,13	0,92	0,41	0,02
2005	0,31	0,24	0,21	0,06	1,85	0,05	0,13	0,87	0,39	0,01
2006	0,31	0,21	0,24	0,07	1,41	0,06	0,23	0,80	0,40	0,10
2007	0,30	0,18	0,30	0,08	1,28	0,07	0,20	0,74	0,32	0,04
2008	0,29	0,21	0,22	0,06	1,23	0,07	0,19	0,65	0,27	0,06
2009	0,28	0,24	0,21	0,04	0,96	0,07	0,18	0,68	0,26	0,03
2010	0,26	0,28	0,22	0,05	1,63	0,10	0,18	0,48	0,15	2,03
2011	0,30	0,31	0,23	0,05	1,35	0,10	0,21	0,37	0,16	1,23
2012	0,31	0,22	0,25	0,04	1,10	0,10	0,23	0,57	0,32	0,05
2013	0,39	0,25	0,43	0,07	1,40	0,12	0,28	0,57	0,27	0,04
2014	0,38	0,37	0,59	0,07	1,59	0,11	0,25	0,62	0,30	0,03
2015	0,29	0,30	0,49	0,05	1,44	0,09	0,26	0,70	0,30	0,05
2016	0,31	0,27	0,40	0,06	1,40	0,09	0,25	0,68	0,30	0,07
2017	0,42	0,38	0,40	0,08	1,86	0,11	0,37	1,06	0,50	0,19

Nguồn: Worldbank và tính toán của tác giả, 2018.

Bảng 3 cho thấy thị phần xuất khẩu hàng hóa của Philippines trên thị trường Thế giới còn rất thấp. Ngoại trừ nhóm SITC 4 thì hầu hết các nhóm hàng khác của Philippines đều có thị phần xuất khẩu trên Thế giới không quá 1%. Trên thực tế, SITC 4 (Dầu, mỡ, sáp động thực vật) là nhóm hàng mà Philippines có nhiều lợi thế trong xuất khẩu, thị phần của nhóm hàng này là cao nhất, dao động trong khoảng trên dưới 2%. Một số mặt hàng đã tạo dựng được vị trí nhất định trên thị trường thế giới như dầu dừa, mỡ động vật,... Đây là nhóm hàng được chế biến ra từ sản phẩm của các cơ thể sống (động, thực vật) nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như thời tiết, khí hậu,... Sự biến động về thị phần của nhóm hàng SITC 4 của Philippines trên thị trường thế giới cũng khá lớn bởi ngoài những ảnh hưởng từ các quốc gia cùng xuất khẩu nhóm hàng này (như khả năng cạnh tranh, khả năng cung ứng hàng hóa,...) thì còn do những thay đổi từ điều kiện tự nhiên trong những năm qua. So với các nhóm hàng khác thì SITC 0 và SITC 7 đang là những nhóm hàng Philippines có thế mạnh trong sản xuất và xuất khẩu (thị phần của 2 nhóm hàng này chỉ đứng sau nhóm hàng SITC 4). Trong tương lai, với sự thay đổi về các chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, Philippines cần khai thác tốt các lợi thế sẵn có về tự nhiên, về lao động nhằm tăng thị phần xuất khẩu đối với một số nhóm hàng khác như SITC 0 và SITC 7.

3.2. Phân tích các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines

Kết quả hồi quy sử dụng phương pháp ước lượng là REM với sai số chuẩn mạnh cho 2635 quan sát được trình bày cụ thể tại Bảng 4.

Đối với bộ dữ liệu bảng, mô hình OLS xảy ra hiện tượng tự tương quan làm cho các hệ số hồi quy của các biến giải thích không chính xác và kiểm định Wald cho giá trị P-value = 0,000 < 0,05. Như vậy, mô hình OLS sẽ được thay thế bởi mô hình FEM hoặc REM. Bằng phương pháp kiểm định Hausman có được giá trị P-value = 0,9913 > 0,05 nên lựa chọn REM. Điều này có nghĩa sai số ngẫu nhiên và các biến độc lập trong mô hình

không có sự tương quan với nhau. Tuy nhiên, trong mô hình REM đã xảy ra hiện tượng phương sai của sai số thay đổi (với P-value < 0,05). Nếu sử dụng mô hình này, vẫn có thể cho hệ số ước lượng tin cậy nhưng các sai số chuẩn của hệ số hồi quy không còn là nhỏ nhất. Điều đó sẽ làm các giá trị thống kê z giảm ý nghĩa thống kê. Để khắc phục hiện tượng này, tác giả sử dụng phương pháp hồi quy với sai số chuẩn mạnh (Robust Standard Error). Kết quả hồi quy của REM với sai số chuẩn mạnh cho hàng hóa của Philippines được thể hiện cụ thể tại Bảng 04.

Từ kết quả hồi quy trong bảng 04 cho thấy, có đến 67,9% sự thay đổi của kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines là do các yếu tố có trong mô hình quyết định. Mô hình hồi quy hoàn toàn có ý nghĩa với giá trị kiểm định Wald bằng 983,51.

Biến quy mô nền kinh tế của Philippines (GDP_{it}) và biến quy mô nền kinh tế của quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa của Philippines (GDP_{jt}) cùng có hệ số mang dấu dương, có nghĩa GDP_{it} và GDP_{jt} có tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines với mức ý nghĩa lần lượt nhỏ hơn 10% và 1%. Điều này có nghĩa, khi biến GDP_{it} tăng 1% sẽ làm kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines tăng bình quân 0,812% và khi biến GDP_{jt} tăng 1% sẽ làm kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines tăng bình quân 1,242%. Về cơ bản, kết quả này cho thấy sự phù hợp với lý thuyết cũng như kết quả từ các nghiên cứu đã được thực hiện trước đây. Bởi khi quy mô nền kinh tế được mở rộng, đối với quốc gia xuất khẩu hàng hóa như Philippines sẽ có điều kiện đầu tư sản xuất, áp dụng nhiều công nghệ hiện đại để tăng năng suất, chất lượng hàng hóa do đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sẽ tăng lên. Còn đối với quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa thì việc quy mô nền kinh tế được mở rộng đồng nghĩa với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa của dân cư sẽ tăng lên do đó cầu nhập khẩu tăng theo. Trong tương lai, nếu phát huy tốt yếu tố này thì kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines sẽ không ngừng tăng lên.

Bảng 4: Các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines

Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Kiểm định z
Hệ số chặn	4,654	0,48
LnGDP_{it}	0,812	1,80*
Ln GDP_{jt}	1,242	17,37***
LnPOP_{it}	-1,423	-0,85
Ln POP_{jt}	-0,392	-4,47***
LnOPEN_{it}	1,315	2,37**
LnOPEN_{jt}	0,245	2,41**
LnCAP_{it}	-0,162	-2,62***
LnDIS_{ij}	-1,341	-5,81***
LnEDIS_{ijt}	0,053	1,01
LnINF_{it}	-0,130	-1,89*
APEC_{ij}	0,608	2,95***
LANG_{ij}	0,212	1,70*
<i>Số quan sát</i>		2635
<i>Hệ số xác định bội hiệu chỉnh ($\overline{R^2}$)</i>		0,679
<i>Giá trị kiểm định Wald</i>		983,51

Ghi chú: *, **, ***: Tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%, 5%, 1%

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ phần mềm Stata

Biến dân số của quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa của Philippines (POP_{jt}) có hệ số mang dấu âm cho thấy tác động tiêu cực đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines ở mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%. Điều này có nghĩa khi biến POP_{jt} tăng 1% sẽ làm kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines giảm bình quân là 1,423%. So với các nghiên cứu trước đây thì kết quả này đang cho thấy sự đối lập về xu hướng tác động. Đa phần các nghiên cứu đã có đều giải thích là sự tăng lên của dân số sẽ dẫn đến lượng hàng hóa tiêu dùng tăng làm cho cầu nhập khẩu hàng hóa tăng theo. Tuy

nhiên, lập luận này có thể đã khác với thực tế về kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines trong những năm gần đây. Đó là, sự tăng lên của dân số tại quốc gia đối tác nhập khẩu đồng nghĩa quy mô lao động của quốc gia đó tăng làm cho hàng hóa sản xuất ra nhiều hơn để có thể tự đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước, do đó cầu nhập khẩu hàng hóa giảm. Trên thực tế, hoạt động xuất khẩu của Philippines được tập trung chủ yếu tại thị trường Châu Á (tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu chiếm gần 50% trong giai đoạn 2000-2017) - Trong khi đây là thị trường mang nhiều đặc điểm

tương đồng về điều kiện tự nhiên cũng như thói quen tiêu dùng. Vì thế, khi các quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa của Philippines tự sản xuất được hàng hóa để phục vụ tiêu dùng trong nước thì cầu nhập khẩu hàng hóa từ Philippines giảm xuống là điều tất yếu. Điều này có nghĩa, việc tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các châu lục khác đang là yêu cầu cấp bách đối với Philippines trong thời gian tới.

Biến độ mở nền kinh tế của Philippines ($OPEN_{it}$) và biến độ mở nền kinh tế của quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa của Philippines ($OPEN_{jt}$) đều có hệ số dương cho thấy tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines với mức ý nghĩa nhỏ hơn 5%. Điều này có nghĩa, khi biến $OPEN_{it}$ và $OPEN_{jt}$ tăng lên 1% thì kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines tăng bình quân lần lượt là 1,315% và 0,245%. Kết quả cho thấy sự phù hợp cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn của các nghiên cứu trước đây. Bởi khi độ mở nền kinh tế của một quốc gia tăng lên đồng nghĩa với các quan hệ thương mại sẽ được mở rộng, và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các quốc gia sẽ nhiều hơn và thường xuyên hơn.

Biến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Philippines (CAP_{it}) có hệ số âm cho thấy tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%. Điều này có nghĩa, khi biến CAP_{it} tăng lên 1% thì kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines giảm bình quân 0,162%. Về mặt lý thuyết đã chứng minh, ở các quốc gia việc thu hút FDI rất quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nói riêng. Ở Philippines, trong những năm gần đây mặc dù FDI tăng song do việc phân bổ và sử dụng còn nhiều bất cập làm cho nguồn vốn này chưa phát huy được hiệu quả, chưa mang lại tác động tích cực cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong nước. Trong thời gian tới, bên cạnh việc đưa ra các

chính sách thu hút FDI thì Chính phủ Philippines cần có sự nghiên cứu và sử dụng một cách hợp lý nhằm phát huy tối đa những hiệu quả mà nguồn vốn này mang lại.

Biến khoảng cách về địa lý (DIS_{ij}) có hệ số âm cho thấy tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp cả về lý thuyết và thực tiễn trong nghiên cứu về thương mại giữa các quốc gia. Bởi khoảng cách về địa lý càng xa thì quá trình vận chuyển hàng hóa sẽ gặp nhiều khó khăn, chi phí liên quan đến xuất khẩu sẽ nhiều hơn làm cho kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm xuống. Đây là lý do giải thích tại sao các quốc gia thường ưu tiên xuất khẩu hàng hóa cho những quốc gia có khoảng cách địa lý gần hơn.

Biến lạm phát (INF_{it}) có hệ số âm, cho thấy tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines với mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%. Điều này có nghĩa, khi lạm phát tăng sẽ đẩy giá hàng hóa của Philippines nâng lên làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Philippines trước các doanh nghiệp nước ngoài, do đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm xuống. Mặc dù kết quả này có khác so với lý thuyết và một số nghiên cứu trước đây song lại phù hợp với xu thế chung của quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong những năm qua. Như vậy, một trong số các điều kiện đem lại sự tăng trưởng ổn định về kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines đó là Chính phủ cần có các biện pháp kịp thời để điều tiết tốt yếu tố lạm phát diễn ra trong nước.

Biến giả APEC ($APEC_{ijt}$) có hệ số dương, cho thấy tác động cùng chiều đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%. Kết quả chỉ ra nếu 2 quốc gia (Philippines và quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa của Philippines) cùng là thành viên của APEC thì hoạt động xuất khẩu hàng hóa sẽ diễn

ra thuận lợi hơn so với trường hợp 2 quốc gia không cùng là thành viên của APEC. Điều này phù hợp với lý thuyết cũng như kết quả của nhiều nghiên cứu về thương mại quốc tế đã được thực hiện trước đây. Thực tế cho thấy, khi 2 quốc gia cùng chung một tổ chức sẽ được hưởng những chính sách và lợi ích riêng mà các quốc gia ngoài tổ chức không có được. Đây là lý do cho thấy sự tham gia vào các tổ chức, các FTA đang là xu hướng phổ biến của các quốc gia nói chung và Philippines nói riêng trong điều kiện hội nhập ngày một sâu và rộng như hiện nay.

Biến giả về ngôn ngữ chung giữa Philippines và quốc gia đối tác nhập khẩu hàng hóa của Philippines ($LANG_{ij}$) có hệ số dương, cho thấy mức độ tác động cùng chiều đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines ở mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp trên cả phương diện lý thuyết và thực tiễn từ các nghiên cứu đã có trong thương mại quốc tế. Điều này có nghĩa, khi các quốc gia có quan hệ thương mại với nhau mà cùng sử dụng chung một ngôn ngữ thì việc trao đổi hàng hóa sẽ dễ dàng hơn so với các quốc gia không cùng ngôn ngữ. Với Philippines, đây được xem là lợi thế lớn bởi ngôn ngữ chính được sử dụng ở Philippines là tiếng Anh - một ngôn ngữ phổ biến toàn cầu số 1 hiện nay. Trong tương lai, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa ra thị trường thế giới thì Chính phủ Philippines cũng như những tổ chức, cá nhân tham gia cần tận dụng và phát huy thật tốt lợi thế này.

Các biến khác như dân số của Philippines (POP_{it}) và chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa Philippines và quốc gia nhập khẩu hàng hóa của Philippines ($EDIS_{ijt}$) chưa cho thấy hoặc không đủ mạnh để thể hiện sự tác động đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines vì các hệ số không có ý nghĩa ở mức cho phép là 1%, 5% và 10% (bảng 04).

Như vậy, tác động đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines có nhiều yếu tố khác

nhau. Về cơ bản, kết quả tính toán được trong nghiên cứu này đều phù hợp cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn hiện nay.

4. Kết luận

Kết quả phân tích trên cho thấy, xuất khẩu hàng hóa của Philippines trong giai đoạn 2000-2017 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng lên qua các năm, một số mặt hàng chính đã giành được những vị trí nhất định trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, với xu thế hội nhập ngày một sâu và mạnh như hiện nay thì hàng hóa của Philippines đang đứng trước một số khó khăn lớn như chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh, khả năng vượt qua các rào cản phi thuế quan tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ,... Trong thời gian tới, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Philippines, bên cạnh việc phát huy các yếu tố tích cực đã được phân tích trong mô hình trọng lực (như GDP_{it} , GDP_{jt} , $OPEN_{it}$, $OPEN_{jt}$, $APEC_{ijt}$ và $LANG_{ij}$), Chính phủ Philippines cần đưa ra một số chính sách phù hợp hơn trong việc khai thác và phát huy các lợi thế sẵn có của đất nước, các chính sách liên quan đến đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các chính sách liên quan đến phát triển thương mại,... nhằm tạo nên một nền tảng tốt để sản xuất được mở rộng và phát triển. Qua đó làm tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm, nâng cao giá trị xuất khẩu để đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng kinh tế của đất nước. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Aitken (1973), *The Effect of the EEC and EFTA on European Trade: A Temporal Cross-Section Analysis*, *American Economic Review* 63(5), pp. 881-892.

2. Anderson (1979), *A Theoretical for the Gravity Equation*, *The American Economic Review*, 69(1), 106-116.

3. Asian Development Bank (2018), *Data and Research*, website: <https://www.adb.org/data/statistics>, truy cập ngày 22/6/2018.

4. Bergstrand (1985), *The Gravity Equation in International Trade: Some Microeconomic Foundations and Empirical Evidence*, *The Review of Economics and Statistics*, 67(3), 474-481.

5. Đào Ngọc Tiến (2008), *Các nhân tố ảnh hưởng đến luồng xuất khẩu của Việt Nam và hàm ý chính sách trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu*, Hội thảo Nghiên cứu về chính sách thương mại quốc tế, Trường Đại học Ngoại Thương.

6. Eita (2008), *Determinants of Namibian Exports: A Gravity Model Approach*, University of Namibia, Namibia.

7. Free Map Tools (2018), *How far is it between*, website: <http://www.freemaptools.com/how-far-is-it-between.htm>, truy cập ngày 7/6/2018.

8. Linnemann (1966), *An Econometric Study of International Trade Flows*, Amsterdam, North-Holland.

9. Onaran and Stockhammer (2008), *The effect of FDI and foreign trade on wages in the Central and Eastern European Countries in the post-transition era: A sectoral analysis for the manufacturing industry*, *Structural Change and Economic Dynamics*, vol. 19, issue 1, 66-80.

10. Rahman (2007), *The Causative Factors of Bangladeshs Exports: Evidence from the Gravity Model Analysis*, The New Zealand Association of Economists 48th Annual Conference, Christchurch, New Zealand, 27-29.

11. Rosalina (2007), *Philippine Exporters and the Japanese Market A Micro Perspective on Philippines-Japan Trade*, *Science in the Philippines*, Vol. 55, No. 3, pp. 373-394.

12. Tinbergen (1962), *Shaping the World Economy: Suggestions for an International Economy Policy*, New York: The Twentieth Century Fund.

13. World Bank (2018a), *World Bank Integrated Trade Solution (WITS)*, <http://wits.worldbank.org/WITS/>, truy cập ngày 10/6/2018.

14. World Bank (2018b), *World Development Indicators*, <http://data.worldbank.org/indicator>, truy cập ngày 6/6/2018.

15. Yang and Zarzoso (2014), *A panel data Analysis of Trade creation and trade diversion effects: The case of ASEAN - China free trade area*, *China Economic Review* 29, pp. 138-151.

Summary

The article uses the panel data in the period of 2000 – 2017 to analyze the situation and clarify determinants of goods exports of Philippines by the gravity model. The results show that the determinants of goods exports of the Philippines include the national GDP of Philippines and its partner nations, the population of its partners, the economic openness of the Philippines and its partners, FDI inflows into the Philippines, the geographical distance between the Philippines and its partners, the inflation of the Philippines, APEC membership of the Philippines and its partners and the use of a common language.